

Số: 175/QĐ-UBND

Phúc Lương, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2022 của
UBND xã Phúc Lương**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2022 của UBND xã Phúc Lương (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đào Văn Dũng



THUYẾT MINH **DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ PHÚC LƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

UBND xã Phúc Lương thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm năm 2022 xã trình hội đồng nhân dân như sau:

I. Tổng thu ngân sách xã 9 tháng đầu năm: 14.904.394.551 đồng

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn xã: 45.533.761 đồng.
2. Thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang: 219.709.790 đồng.
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 14.639.151.000 đồng

II. Tổng chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm: 10.566.941.583 đồng

1. Chi thường xuyên: 3.620.328.083 đồng
2. Dự phòng: 46.000.000 đồng.
3. Chi đầu tư: 6.900.613.500 đồng.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022	SO SÁNH (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I</i>
I	TỔNG SỐ THU	5.086.939.000	14.904.394.551	292.99
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	90.000.000	45.533.761	50.59
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	-	-	
3	Thu bổ sung	4.881.797.000	14.639.151.000	76.19
	- Thu bổ sung cân đối	4.881.797.000	3.719.328.000	76.19
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	10.919.823.000	
4	Thu chuyên nguồn CCTL	115.142.000	219.709.790	190.82
5	Thu kết dư			
II	TỔNG SỐ CHI	5.086.939.000	10.566.941.583	207.73
1	Chi đầu tư phát triển	0	6.900.613.500	
2	Chi thường xuyên	4.816.670.000	3.620.328.083	75.16
3	Dự phòng	94.000.000	46.000.000	48.94
4	Tiết kiệm chi CCTL	61.127.000		
5	Thu chuyển nguồn tiết kiệm chi CCTL	115.142.000		



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		TH 9 THÁNG NĂM 2022		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.086.939.000	5.086.939.000	14.904.394.551	14.904.394.551	350	350
I	Các khoản thu 100%	90.000.000	90.000.000	45.533.761	45.533.761	51	51
	Lệ phí chứng thư	12.500.000	12.500.000	9.742.000	9.742.000	77.94	77.94
	Hoàn thuế TNCN			0	0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp			0	0		
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định			4.000.000	4.000.000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo QĐ			0	0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0	0	0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân			0	0		
	Thu khác	12.000.000	12.000.000	15.037.000	15.037.000	125.31	125.31
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0				
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0				
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.500.000	1.500.000	1.200.000	1.200.000	80.00	
	Lệ phí trước bạ nhà đất	12.000.000	12.000.000	13.654.761	13.654.761	113.79	113.79
	Thuế GTGT	2.700.000	2.700.000	1.900.000	1.900.000	70.37	70.37
	Thuế TNCN từ thuế CN bất động sản	48.000.000	48.000.000	0		0.00	0.00
	Thuế TNCN từ SXKD	1.300.000	1.300.000	0		0.00	0.00
II	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		0		0		
III	Thu chuyển nguồn	115.142.000	115.142.000	219.709.790	219.709.790		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		0				
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.881.797.000	4.881.797.000	14.639.151.000	14.639.151.000	299.87	299.87
	- Thu bổ sung cân đối	4.881.797.000	4.881.797.000	3.719.328.000	3.719.328.000	76.19	76.19
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0	10.919.823.000	10.919.823.000		



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			TH 9 THÁNG NĂM 2022			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.086.939.000	-	5.086.939.000	10.566.941.583	6.900.613.500	3.666.328.083	207.73		72.07
1	Chi giáo dục				-	-	-			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-		-			
3	Chi y tế	-		-			-			
4	Chi văn hóa thông tin	31.500.000		31.500.000	8.800.000		8.800.000	27.94		27.94
5	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000	27.464.780		27.464.780	122.07		122.07
6	Chi PC y tế xóm	57.600.000		57.600.000	40.230.000		40.230.000	69.84		69.84
7	Chi hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000	-		-	0.00		0.00
8	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	690.135.480		690.135.480	499.022.190		499.022.190	72.31		72.31
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.720.509.672		3.720.509.672	2.857.409.442		2.857.409.442	76.80		76.80
10	Chi cho công tác xã hội	262.924.848		262.924.848	65.731.218		187.401.671	25.00		71.28
11	Dự phòng ngân sách	94.000.000		94.000.000	46.000.000		46.000.000	48.94		48.94
12	Tiết kiệm chi	61.127.000		61.127.000			-	0.00		0.00
13	Tiết kiệm chi chuyển nguồn CCTL	115.142.000		115.142.000			-	0.00		0.00